



TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ GIÁO DỤC MẦM NON Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2015

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: mytrinhdhv@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu các vấn đề về giáo dục mầm non ở Việt Nam ngày càng được nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội quan tâm. Tình hình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non Việt Nam giai đoạn 2010-2015 tập trung vào: Tình hình nghiên cứu về sự phát triển thể chất, tâm lý, xã hội của trẻ mầm non; Tình hình nghiên cứu về giáo dục trẻ mầm non; Tình hình nghiên cứu về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non; Tình hình nghiên cứu về quản lý giáo dục mầm non. Qua đó, để xác định hướng đi đúng đắn trong giai đoạn sắp tới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển của ngành học, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của thời kì đổi mới và hội nhập.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học; giáo dục mầm non; trẻ mầm non.

(Nhận bài ngày 07/4/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 05/6/2017; Duyệt đăng ngày 25/7/2017).

1. Đặt vấn đề

Trong 5 năm qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, đề án, chương trình (CT)... quan trọng, có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển giáo dục mầm non (GDMN), điển hình như: Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2006 - 2015 (2006); CT GDMN mới (2009); Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 (2010); Một số chính sách phát triển GDMN giai đoạn 2011 - 2015 (2011); Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (2010); Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 (2011)... Tình hình nghiên cứu khoa học (NCKH) về GDMN trong giai đoạn này được triển khai đa dạng với các loại hình nghiên cứu (NC) phong phú: Các NC cơ bản, NC ứng dụng, NC triển khai. Các nguồn lực cho NC được tăng cường, không chỉ tập trung vào các nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước mà còn từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Sự phân hóa trong quản lý (QL) NC về GDMN không chỉ tập trung vào Viện Khoa học Giáo dục (KHGD) Việt Nam và các đơn vị NC (thuộc Viện Dinh dưỡng Quốc gia (DDQG), Viện Nghiên cứu Sư phạm, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội...) mà còn được QL, triển khai ở các cơ sở đào tạo (ĐT) nhân lực giáo dục (GD) trình độ đại học (ĐH) và cao đẳng, các Sở, Ban, ngành có liên quan ở tỉnh/ thành phố, các tổ chức chính trị, xã hội khác nhau ở Việt Nam và các tổ chức quốc tế như UNICEF, PLAN, WB, World Vision... Có thể nói, NC các vấn đề về GDMN ở Việt Nam ngày càng được nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội quan tâm. Dưới đây, chúng tôi trình bày khái quát tình hình NCKH GDMN ở Việt Nam từ 2010-2015.

2. Tình hình nghiên cứu về sự phát triển thể chất, tâm lý, xã hội của trẻ mầm non

2.1. Sự phát triển sức khỏe, thể chất của trẻ mầm non

Những NC về sức khỏe, thể lực và dinh dưỡng của

trẻ mầm non (MN) chủ yếu được Viện DDQG, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, các trường ĐH, các sở KH&CN, các bệnh viện tuyến trung ương, địa phương thực hiện.

- NC về sự phát triển thể lực của trẻ em: Tuy NC về sự phát triển thể lực của trẻ em dưới 6 tuổi được Bộ Y tế, Viện DDQG, các trường ĐH sư phạm thể dục thể thao quan tâm nhưng còn khá khiêm tốn. Thành công lớn nhất là xây dựng được hệ thống các chỉ tiêu đánh giá (ĐG) thể thực, hình thái, tầm vóc cho trẻ dưới 6 tuổi và dựa vào đó để ĐG tình trạng, hoạt động (HĐ) thể lực của trẻ em, làm căn cứ để xuất các tác động sư phạm điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển thể lực của trẻ em dưới 6 tuổi ở các địa phương [1].

- NC về bệnh trẻ em được tiến hành chủ yếu ở các bệnh viện trung ương và các tỉnh/ thành phố, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Viện DDQG... đã nêu ra những đặc điểm bệnh lý, thực trạng mắc bệnh đặc trưng của trẻ em tại một số vùng, miền. Đồng thời xác định những giải pháp phòng và chữa bệnh cho trẻ em nói chung, trẻ dưới 6 tuổi nói riêng về một số bệnh như suyễn, các chủng M.tuberculosis, nang ống mật chủ, nhiễm khuẩn hô hấp và tiêu hóa,...

- NC về dinh dưỡng trẻ em, các giải pháp phòng, chữa bệnh trẻ em do dinh dưỡng không hợp lý: Bộ Y tế - Viện DDQG với CT Điều tra, giám sát dinh dưỡng trẻ em được triển khai từ tháng 7 đến tháng 9 hàng năm tại 63 tỉnh/ thành phố. Nhờ đó, thu thập và theo dõi kịp thời biến động về tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em qua các chỉ tiêu cơ bản về thực hành nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ nhỏ, việc thực hiện các CT mục tiêu như phòng chống thiếu vitamin A, sử dụng muối iốt, tiếp cận thông tin về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ [2]. Ngoài ra, Viện DDQG còn là đơn vị có nhiều NC về bệnh dinh dưỡng của trẻ dưới 6 tuổi. Nhiều sở KH&CN của các tỉnh/ thành

phổ là cơ quan chủ quản việc triển khai những đề tài NC về bệnh do dinh dưỡng không hợp lý ở trẻ nhỏ tại các vùng, miền, địa phương đồng thời đề xuất những giải pháp khắc phục, cải thiện khả năng hấp thu dinh dưỡng cho trẻ em.

2.2. Sự phát triển tâm lý, xã hội của trẻ mầm non

Vấn đề phát triển tâm lý, xã hội của trẻ MN chủ yếu được các nhà NC ở Viện KHGD Việt Nam và các trường ĐH, cao đẳng có tham gia ĐT GVMN thực hiện. Điềm qua các công trình khoa học được công bố từ năm 2010 - 2015 chúng tôi nhận thấy: Số lượng các NC về sự phát triển tâm lý, xã hội của trẻ MN không nhiều; Thiếu những NC cơ bản, toàn diện về trẻ em nói chung và trẻ MN DTTS nói riêng để cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng CT GDMN, hệ thống chỉ số phát triển trẻ em các độ tuổi trong giai đoạn tới. Các tác giả thường quan tâm đến từng mặt phát triển ở trẻ như:

- **Phát triển ngôn ngữ:** Đề tài V2010-15 *NC thực trạng phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 5 - 6 tuổi*; Hoàng Thị Bưởi, (2012), *NC khả năng nghe nói tiếng Anh của trẻ mẫu giáo 5 tuổi*; Lê Thị Bắc Lý, (2010), *Phát triển ngôn ngữ cho trẻ có nhu cầu đặc biệt - Vấn đề cần được quan tâm trong thời kì hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia GDMN Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế, tr.83-87, NXB ĐH Sư phạm; Nguyễn Thị Phương Thảo, *Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ MN người DTTS trong bối cảnh đổi mới GD*, Tạp chí KHGD, số 130, tháng 7/2016.

- **Phát triển vận động:** Đặng Hồng Phương, *Phát triển kĩ năng vận động tinh của trẻ MN*, Tạp chí Thiết bị GD, số 58, tr.13-15, (2010); Đặng Hồng Phương, *Mức độ tri giác vận động cơ bản của trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi*, Tạp chí KHGD, số 56, tr.32-36, (2010); Lê Thanh Vân, *Kết quả bước đầu NC sự phát triển chiều cao của trẻ 3 - 6 tuổi ở Hà Nội*, Tạp chí GD, số 155, tr.12-13.

- **Phát triển tư duy và nhận thức:** Đỗ Thị Minh Liên, *NC phát triển khả năng khái quát hóa cho trẻ mẫu giáo trong HĐ cho trẻ làm quen với Toán*, Tạp chí Khoa học - ĐHQG Hà Nội, số 3, (2010); Đỗ Thị Minh Liên, *NC phát triển các thao tác tư duy trong quá trình hình thành biểu tượng Toán học cho trẻ MN*, Tạp chí GD, số 4, tr.20-23, (2010); Đỗ Thị Minh Liên, *NC phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong quá trình hình thành biểu tượng Toán học sơ đẳng cho trẻ MN*, Tạp chí GD, (2010); Nguyễn Mạnh Tuấn, *Trí tưởng tượng không gian và việc phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh những năm đầu Tiểu học bằng phần mềm GD*, Tạp chí GD, số 248, tr.5-7, (2010); Nguyễn Mạnh Tuấn, *NC ảnh hưởng của tri giác không gian tới tưởng tượng không gian ở trẻ mẫu giáo lớn*, Tạp chí GD, số 266 (2011), tr.5-8.

- **Phát triển cảm xúc, khả năng tiếp nhận văn học:** Ngô Bá Công, *Tư duy và cảm xúc của trẻ mẫu giáo qua tranh vẽ*, Tạp chí Mĩ thuật, số 210, tr.7-9, (2010); Nguyễn Anh Việt, *Một vài tiêu chí xác định năng khiếu âm nhạc của trẻ mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)*, Kỷ yếu hội thảo khoa học ĐT giáo viên MN (GVMN) trong thời kì hội nhập quốc tế Khoa GDMN, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, NXB ĐH Sư phạm,

tr.184 -189, (2010); Hà Nguyễn Kim Giang, *Khả năng tiếp nhận Văn học của trẻ 5 - 6 tuổi*, Kỷ yếu hội thảo ĐT GVMN trong thời kì hội nhập quốc tế, Kỷ niệm 25 năm thành lập Khoa GDMN - ĐH Sư phạm Hà Nội, tr.18-23(2010).

Một hiện trạng “nóng” trong xã hội hiện đại là nhóm trẻ MN chậm phát triển ranh giới - khi đưa trẻ có sự chậm phát triển hơn độ tuổi, nhưng chưa phải chậm phát triển bệnh lí hay bị khuyết tật - lại chưa nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà giáo ở Việt Nam. Mặt khác, các quan điểm lí luận hiện đại trong nghiên cứu Sinh lí học, Tâm lí học trẻ em, Lí luận về đổi mới GD học MN thể giới chưa được khảo sát, ĐG và vận dụng hiệu quả trong các NC trên.

3. Tình hình nghiên cứu về giáo dục trẻ mầm non

3.1. Về hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong trường mầm non

Đóng góp quan trọng trong QL, triển khai các NC về HĐ chăm sóc - GD trẻ trong trường MN thuộc về Viện KHGD Việt Nam và các trường ĐH có tham gia ĐT GVMN trên cả nước. Kết quả nghiên cứu tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

a) *HĐ chăm sóc, GD sức khỏe, vấn đề vệ sinh, dinh dưỡng và an toàn cho trẻ trong trường MN*

Các NC đã góp phần tích cực vào việc xây dựng các chỉ số ĐG môi trường an toàn cho trẻ về sức khỏe, chăm sóc vệ sinh, dinh dưỡng trong trường MN; các biện pháp đảm bảo môi trường an toàn về các mặt thể chất, tâm lí cho trẻ MN; tìm hiểu thực trạng và đề xuất các biện pháp GD hiệu quả trong GD dinh dưỡng, sức khỏe và an toàn cho trẻ trong trường MN ở các địa phương như: Đề tài *Thực trạng GD trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nhận biết và phòng tránh nguy cơ không an toàn tại một số trường MN trên địa bàn Hà Nội* (V2011-05); Tào Hồng Vân, *Xây dựng các chỉ tiêu ĐG môi trường an toàn trong chăm sóc sức khỏe cho trẻ* (B2009-17-182); *Các biện pháp đảm bảo môi trường an toàn trong chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại trường MN* (SPHN-11-88); Nguyễn Thị Thu Huyền, *GD kĩ năng phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*, Tạp chí KHGD, số 132, tháng 9/2016.

b) *HĐ GD trẻ MN*

Các NC đã tập trung vào làm rõ thực trạng HĐ GD chung hay riêng trong từng lĩnh vực phát triển cho trẻ. Qua đó, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện CT GDMN (2009). Các đề tài nghiên cứu được chọn ở các lĩnh vực:

Phát triển vận động: Đặng Hồng Phương, *Phát triển kĩ năng vận động tinh của trẻ MN*, Tạp chí Thiết bị GD, số 58, (2010); *Thực nghiệm biện pháp tổ chức HĐ ngoài trời cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, Tạp chí GD, số 238, (2010); *Thực trạng và biện pháp tổ chức HĐ ngoài trời nhằm phát triển thể lực cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường MN*, Tạp chí KHGD, số 58, (2010); *Thực nghiệm biện pháp tổ chức thể dục sáng cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi ở Trường MN Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội*, Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm Hà Nội, số 5, (2010); *Phương pháp dạy học bài tập vận động cơ bản cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi ở trường MN*, Tạp chí Khoa học,



ĐH Quốc gia Hà Nội, số 2, (2011); Đề tài *Tuyển chọn và hướng dẫn sử dụng trò chơi dân gian trong HĐ phát triển vận động cho trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi* (V2010-12); Đề tài *Một số biện pháp tổ chức HĐ vận động theo nhạc cho trẻ 24-36 tháng tuổi trong trường MN* (V2013-10); Nguyễn Thị Như Mai, *Trò chơi tâm vận động - một phương tiện phát triển tâm lí trẻ em*, Tạp chí Tâm lí học, số 8, (2010); Trần Lan Hương, (2010), *Thiết kế các HĐ GD phát triển thể chất cho trẻ 5 tuổi trong trường MN*.

Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp: Đề tài V2010-15 *NC thực trạng phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 5 - 6 tuổi*; Đề tài V2009-13 *Một số biện pháp hướng dẫn trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi kể chuyện sáng tạo*, (2009 - 2010); Đề tài V2012 - 01NV *NC cơ sở khoa học và giải pháp cho trẻ MN làm quen với ngoại ngữ*, (2012-2013); Nguyễn Lộc - Lê Thị Luân, (2013), *Thực trạng vấn đề cho trẻ MN làm quen với ngoại ngữ trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí GD, số 316; Nguyễn Thị Như Mai, *NC cách thức chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo học đọc ở trường MN và ở gia đình*, Tạp chí GD, số 247, (2010); Nguyễn Thị Thanh Huyền, *Một số biện pháp GD ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo thông qua ca dao, đồng dao*, Tạp chí KHGD, số 108, (2014); Trần Thị Nga, (2011), *Thiết kế các HĐ GD phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo trong trường MN*; Phạm Thùy Linh, (2012), *Một số kĩ thuật sửa tật phát âm cho trẻ nói ngọng lứa tuổi mẫu giáo*.

Phát triển nhận thức: Đề tài *Thực trạng tổ chức HĐ khám phá khoa học cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại một số trường MN trên địa bàn Hà Nội* (V2011-06); Đề tài *Thực trạng tổ chức HĐ nhằm phát triển giác quan cho trẻ 24-36 tháng tuổi trong trường MN* (V2012-13); Đỗ Chiêu Hạnh - Nguyễn Mạnh Tuấn - Hoàng Thị Phương, *Hướng dẫn GVMN tổ chức thí nghiệm khám phá tự nhiên vô sinh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*, Tạp chí KHGD, số 118, tháng 7/2015.

Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ của trẻ MN các độ tuổi: Đề tài *Xây dựng một số bài tập tình huống nhằm GD hành vi ứng xử xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong trường MN* (V2010-13); Đề tài *Tổ chức HĐ GD kĩ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường MN* (V2013- 09); Lê Thị Thanh Thủy, *Thực trạng và giải pháp giúp trẻ mẫu giáo làm quen với Nghệ thuật tạo hình truyền thống qua HĐ tạo hình trang trí* (B2008-17-157); Lê Thị Thanh Thủy - Đàm Thị Hoài Dung, *Giúp trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với hoa văn dân tộc qua HĐ xếp dán tranh trang trí*, Tạp chí GD, số 257, (2011); Hoàng Thị Phương, *GD lòng nhân ái cho trẻ MN thời kì hội nhập quốc tế*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học ĐT GVMN trong thời kì hội nhập quốc tế - Khoa GDMN - ĐH Sư phạm Hà Nội, NXB ĐH Sư phạm, (2010); Trần Văn Minh, *GD thẩm mỹ trong trường MN bằng nghệ thuật âm nhạc*, Tạp chí KHGD, số 117, tháng 6/2015; Tạ Thị Ngọc Thanh, *GD đạo đức cho trẻ lứa tuổi MN*, Tạp chí KHGD, số 53, (2010); Nguyễn Quang Nhã, *GD thẩm mỹ âm nhạc thông qua HĐ dạy hát cho trẻ*, Tạp chí KHGD, số 118, (2015); Nguyễn Thị Oanh, (2010), *Biên soạn một số câu chuyện GD hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội cho trẻ mẫu giáo*.

Nội dung bảo vệ môi trường trong lĩnh vực GD tình cảm, kĩ năng xã hội trong giai đoạn vừa qua được coi là vấn đề "nóng". Kết quả NC làm rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GD trong nhà trường, biên soạn tài liệu hướng dẫn tích hợp nội dung GD các vấn đề trên vào CT GDMN và triển khai một số mô hình nhà trường, mô hình HĐ GD ở các trường MN tại một số địa phương: Đề tài *Biên soạn tài liệu về GD bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo và tài liệu hướng dẫn các bậc cha mẹ* (B2009-37-63 MT); Đề tài *NC xây dựng bộ tranh chủ đề và tài liệu hướng dẫn giáo viên sử dụng bộ tranh trong các HĐ GD trẻ bảo vệ môi trường* (B2011-03MT); *Thực trạng và giải pháp công tác GD sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cấp học MN* (B2015-37-01TKNL); Nguyễn Thị Cẩm Bích, *Xây dựng clip hoạt hình trong GD bảo vệ môi trường cho trẻ MN* (B2016); Nguyễn Thị Thu Hà, *Xây dựng mô hình GD bảo vệ môi trường cho trẻ MN dựa vào cộng đồng* (B2017).

Bên cạnh đó, có thể nhận thấy một số hạn chế trong việc NC các vấn đề sau:

- Vấn đề HĐ chơi, môi trường chơi và các biện pháp chuẩn bị, sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong GD trẻ ở trường MN còn hạn chế.
- Vấn đề ĐG trẻ, ĐG chất lượng HĐ GD còn quá ít.
- Vấn đề chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi vào lớp Một chưa được quan tâm thực sự.
- Vấn đề NC về xây dựng và phát triển CT GD nhà trường MN chưa thực sự được quan tâm.

3.2. Về hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong gia đình

Các NC về GD gia đình trong giai đoạn vừa qua chiếm tỉ lệ khá ít, tập trung chủ yếu vào ảnh hưởng của GD gia đình, thực trạng GD gia đình và các biện pháp tăng cường vai trò của GD gia đình trong sự phát triển trẻ thơ Việt Nam: Đề tài B2009-37-71TĐ *NC đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc - GD trẻ từ 0 đến 6 tuổi ở gia đình*; Nhiệm vụ NC *Xây dựng nội dung GD trẻ cho các bậc cha mẹ ở gia đình góp phần thực hiện CT GDMN mới*; Đặng Hồng Phương, *Khảo sát thực trạng về chơi ngoài trời của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi ở gia đình*, Tạp chí Thiết bị GD, số 56, (2010); Trần Thị Bích Trà, *Mối quan hệ giữa chất lượng GD ở nhà trường và ở gia đình trong việc GD trẻ MN*, Tạp chí KHGD, số 52, (2010); Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh - Trường ĐHKHXH&NV TP. Hồ Chí Minh. *Xây dựng mô hình GD kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong can thiệp cho trẻ tự kỉ tại TP. Hồ Chí Minh*, (2014); Ngô Công Hoàn, *Nhân cách trẻ em được hình thành từ gia đình*, Kỉ yếu hội thảo khoa học ĐT GVMN trong thời kì hội nhập quốc tế, NXB ĐH Sư phạm, (2010). Các NC mang tính toàn diện hơn được Viện KHGD Việt Nam thực hiện qua NC *đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc - GD trẻ từ 0 đến 6 tuổi ở gia đình* (B2009-37-71TĐ) đã làm rõ thực trạng chất lượng GD gia đình trẻ ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Long An cũng như xác định những hạn chế và rào cản, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, GD trẻ trong gia đình.

4. Tình hình nghiên cứu về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non

Lĩnh vực NC về ĐT và bồi dưỡng GVMN, cán bộ QL được quan tâm NC nhiều hơn, đặc biệt từ năm 2008 tới nay, bao gồm:

Những NC liên quan đến ĐG về chất lượng ĐT GVMN: *Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu GDMN tại TP. Hồ Chí Minh* (Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh chủ trì, mã số B2013 19.08); *ĐG thực trạng GVMN được ĐT từ các trường cao đẳng và ĐH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng* (Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh thực hiện, 2014-2016); *Tình hình sử dụng nguồn nhân lực GVMN, Tiểu học được ĐT từ các trường cao đẳng, ĐH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và các giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ GVMN, Tiểu học đáp ứng sự nghiệp GD&ĐT thành phố* (Viện NC GD thực hiện, 2014 - 2016).

Những vấn đề chung về quá trình ĐT GVMN, rèn luyện kĩ năng nghề hay ĐG kết quả ĐT theo chuẩn đầu ra của nhà trường. Nhiều nghiên cứu tập trung về quy trình, biện pháp rèn luyện kĩ năng nghề qua các môn học, qua thực hành, thực tập nghề trong ĐT GVMN: Nguyễn Thị Mỹ Trinh, *Xây dựng nội dung, quy trình hình thành kĩ năng sư phạm cho sinh viên ngành GDMN, Trường ĐH Vinh qua HĐ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm* (B 2009); Đặng Hồng Phương, *Xây dựng và thử nghiệm bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan để kiểm tra ĐG kết quả học tập môn Phương pháp GD thể chất cho trẻ MN của sinh viên khoa GDMN Trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, số 4, tr.116 -124, (2010); Đặng Hồng Phương, *Một vài suy nghĩ về việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên khoa GDMN trong thời kì hội nhập quốc tế*; Lê Thanh Vân, *Thực trạng và giải pháp ĐT GVMN trong thời kì hiện nay*; Hoàng Thị Phương, *Vai trò của giáo viên trong thực tiễn đổi mới GDMN*; Đinh Hồng Thái, *Xây dựng chuẩn đầu ra với việc phát triển CT ĐT khoa GDMN, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, Kí yếu hội thảo khoa học ĐT GVMN trong thời kì hội nhập quốc tế, Khoa GDMN - ĐH Sư phạm Hà Nội, tr.179-183, (2010); Lê Thanh Vân, *Nâng cao chất lượng ĐT GVMN ở các trường sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, Hội thảo Thúc đẩy phát triển chăm sóc và GDMN ở Việt Nam: Các vấn đề và giải pháp - Bộ GD&ĐT, (2010); Lê Thanh Vân, *Nâng cao chất lượng ĐT GVMN ở các trường sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, Kí yếu hội thảo khoa học Bàn về GD "chất lượng cao" trong các trường trung cấp - trung cấp chuyên nghiệp và thực trạng chất lượng GVMN ở các trường MN "chất lượng cao" trên địa bàn thành phố Hà Nội", tr.76-82, Hà Nội, (2010); Ngô Bá Công, *Nâng cao nhận thức về bố cục tạo hình cho sinh viên ngành MN*, Tạp chí GD, số 233, tr. 26-27, (2010); Lê Thị Thanh Thủy, *Đổi mới dạy học nghệ thuật nhằm tăng cường bồi dưỡng kĩ năng nghề cho sinh viên*, Tạp chí GD, số 233, tr. 20-23, (2010); Nguyễn Thị Như Mai, *ĐT giáo viên mẫu giáo ở Cộng hòa Pháp*, Tạp chí GD, số 255, tr. 61-63, (2011); Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, *Sự phối hợp giữa khoa GDMN và trường MN thực hành trong ĐT*

GVMN, Tạp chí KHGD, số 133, tháng 10/2016; Võ Thị Yến Nhi, *Trải nghiệm nghề nghiệp - Con đường hình thành giá trị nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành GDMN*, Tạp chí KHGD, số 121, tháng 10/2015.

Một số NC khác quan tâm đến vấn đề bồi dưỡng nhân cách nghề nghiệp, phát triển chuyên môn cho GVMN: Nguyễn Thị Hồng Phương, (2012), *Các biện pháp GD nhân cách nghề GVMN trong trường sư phạm*, Trường ĐH Sài Gòn; Nguyễn Thị Hồng Phương, (2008), *Hướng dẫn GVMN dạy học tích hợp cho trẻ từ 24 tháng - 48 tháng*, Trường ĐH Sài Gòn; Sở KH&CN Bình Dương, (2010), *Nâng cao năng lực chăm sóc và dạy trẻ của GVMN tỉnh Bình Dương*.

Như vậy, qua tình hình NC trên nhận thấy, còn ít các NC hướng tới nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên làm việc với đối tượng trẻ đặc biệt, trẻ em dưới 3 tuổi và trẻ DTTS, chưa có những nghiên cứu có sự hợp tác trong nước, quốc tế về GDMN và ĐT GVMN [3]. Bên cạnh đó, tình gắn kết giữa các cơ sở ĐT GVMN và thực hành trong trường MN cũng là vấn đề ít được đề cập đến trong các NC trong giai đoạn vừa qua.

5. Tình hình nghiên cứu về quản lí giáo dục mầm non

Các NC về QL GDMN bao gồm: *Đổi mới QL cơ sở GDMN ngoài công lập trong quá trình hội nhập quốc tế* (B2010-37-88CT); Sở KH&CN Bình Dương, (2012), *NC thực trạng HĐ GDMN ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất biện pháp QL hiệu quả*; Sở KH&CN TP.HCM, (2012), *Nhu cầu và khả năng đáp ứng GDMN cho con em công nhân khu chế xuất Tân Thuận (thực trạng và xu hướng)*, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân chủ nhiệm.

Các NC trên đã góp phần hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến QL, phân cấp QL GDMN, xây dựng khung lí luận về chính sách đối với giáo viên, một số khái niệm cơ bản về chiến lược GD, chiến lược GDMN, một số vấn đề lí luận về xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu phát triển GDMN; Làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển GDMN và một số nhóm giải pháp phân cấp QL GDMN trên cơ sở xác định nội dung phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn và tính tự chịu trách nhiệm của từng cấp QL địa phương trong việc thực hiện các chức năng QL. Tuy nhiên, còn thiếu những NC về chế độ chính sách cho giáo viên ở các cơ sở GDMN ngoài công lập, NC cơ chế thu hút sự tham gia của các lực lượng xã hội vào QL, phát triển các cơ sở GDMN, đặc biệt là những nhóm lớp tự thực, phù hợp trong bối cảnh đổi mới cho phát triển loại hình này.

6. Nhận định chung về tình hình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non ở Việt Nam giai đoạn 2010-2015

6.1. Về các vấn đề và nội dung nghiên cứu

Thiếu những NC cơ bản mang tính hệ thống và cập nhật về sự phát triển trẻ em Việt Nam dưới 6 tuổi (chung trên toàn quốc và riêng đối với trẻ em các DTTS, vùng khó khăn).

Chưa có các NC cung cấp cứ liệu khoa học để xây



dựng hệ thống các chuẩn trong GDMN (chuẩn phát triển trẻ em các độ tuổi; chuẩn năng lực nghề nghiệp; chuẩn ĐT GVMN) đảm bảo tương thích với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Vấn đề vận dụng các lý thuyết Sinh lý học, Tâm lý học trẻ em hiện đại, GD học MN, vận dụng các mô hình GDMN tiên tiến của thế giới vào Việt Nam chưa nhận được sự quan tâm NC thỏa đáng.

Vấn đề chăm sóc - GD trẻ lứa tuổi dưới 36 tháng ít được quan tâm NC. Việc đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận với GDMN có chất lượng đối với trẻ em dưới 36 tháng ở các vùng khó khăn như là “khoảng mờ” trong các NC có liên quan. Ngoài ra, đối tượng trẻ MN “chậm phát triển ranh giới” chưa thực sự được quan tâm. Tỉ trọng các NC về HĐ chăm sóc, GD trẻ trong trường MN cao hơn rất nhiều so với các NC về HĐ này trong gia đình. Thiếu những NC giải pháp/ mô hình QL các cơ sở GDMN đáp ứng yêu cầu Chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chưa nhiều các NC tìm hiểu kết nối giữa HĐ ĐT, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và phát triển năng lực nghề nghiệp đối với GVMN.

6.2. Về quản lý và tổ chức nghiên cứu

- Các NC tập trung nhiều ở các Viện nghiên cứu Khoa học, đặc biệt là Viện KHGD Việt Nam, Viện DDQG, ít hơn ở các trường ĐH tham gia ĐT GVMN. Đặc biệt ít ở các trường cao đẳng, trường trung cấp sư phạm và các Sở GD&ĐT... tại các địa phương.

- Nguồn lực NC chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, các tổ chức quốc tế ít đầu tư có các NC mang tính nền tảng. Vấn đề xã hội hóa trong NCKH GDMN còn hạn chế.

- Ít các NC được tiến hành bởi nhóm chuyên gia đa ngành hay có sự hợp tác quốc tế, thiếu các NC GDMN

mang tính so sánh giữa Việt Nam và các nước khác.

- Chất lượng và hiệu quả các NCKH GD nói chung, GDMN nói riêng còn thấp. Chất lượng các đề tài, nhiệm vụ, công trình NCKH các cấp (sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước) chưa được kiểm soát chặt chẽ và ĐG khách quan, ít có công bố ở các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới...

7. Kết luận

Trong giai đoạn sắp tới, việc phát triển GD&ĐT, KH&CN vẫn được coi là “quốc sách hàng đầu”. Vấn đề đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận với GDMN cho mọi trẻ em tiếp tục nhận được sự quan tâm sâu sắc. Vì vậy, việc điểu qua tình hình NCKH GDMN trong giai đoạn vừa qua là cần thiết để chúng ta xác định hướng đi đúng đắn trong giai đoạn sắp tới nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả NCKH GDMN, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển của ngành học, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của thời kì đổi mới và hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh chủ quản - Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh chủ trì - Đỗ Vinh, (2012), *Xây dựng hệ thống đánh giá thể lực, hình thái và đánh giá thực trạng phát triển thể lực, hình thái trẻ 3-4 tuổi ở TP. Hồ Chí Minh.*

[2]. Viện Dinh dưỡng Quốc gia - UNICEF - Alive&Thrive, (2014), *Thông tin Giám sát Dinh dưỡng 2013*, Hà Nội, Việt Nam.

[3]. Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Nai, (2013), *Nâng cao năng lực phòng ngừa và can thiệp sớm cho trẻ có nét tự kỉ của giáo viên mầm non ở tỉnh Đồng Nai.*

SITUATION OF SCIENTIFIC RESEARCH ON PRESCHOOL EDUCATION IN VIETNAM IN 2010 - 2015 PERIOD

Nguyen Thi My Trinh
The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: mytrinhdhv@gmail.com

Abstract: *The research on issues of preschool education in Vietnam is increasingly concerned by many agencies, organizations and individuals in society. The pre-school education research in Vietnam from 2010 to 2015 focuses on the followings: The research on the physical, psychological and social development of preschool children; Research on preschool children education; Research on training and retraining of preschool teachers; Research on preschool education management. Through this, the right direction is indentified in the coming period as to improve the quality and effectiveness of early childhood education scientific research, creating a solid foundation for the development of this education level, better meeting requirements of the innovation and integration period.*

Keywords: *Scientific research; preschool education; preschool children.*